TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁT XÁT** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2021/QĐST – DS	*Bát Xát, ngày 18 tháng 5 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Duy Chiến.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Quý Sửu;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 06/2020/TLST-VDS ngày 04 tháng 12 năm 2020, về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/QĐST - VDS ngày 04 tháng 5 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Lù Seo P (tên gọi khác: Lù Văn Q).

Địa chỉ: Thôn L, xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (có đơn xin mở phiên họp vắng mặt).

Người bị yêu cầu: Chị Thào Thị Nh.

Địa chỉ cuối cùng trước khi biệt tích: Thôn L, xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp Tòa án ngày 26/11/2020 và trong quá trình Tòa án giải quyết thì người yêu cầu anh Lù Seo P (tên gọi khác: Lù Văn Q) trình bày:

Anh và chị Thào Thị Nh kết hôn với nhau ngày 23/11/2010, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến ngày 25/5/2013 chị Nh bỏ nhà đi khỏi địa phương, sau khi chị Nh bỏ đi anh P và gia đình đã đi tìm kiếm và hỏi thăm tin tức của chị Nh

nhưng không ai biết chị Nh ở đâu, anh có hỏi gia đình bố mẹ của chị Nh và các anh em của chị Nh thì mọi người đều nói đã đi tìm nhưng không thấy và không biết chị Nh ở đâu. Anh Lù Seo P đã đăng thông báo tìm kiếm chị Nh tại Trung tâm văn hóa Thể thao – Truyền thông huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và Đài phát thanh truyền hình tỉnh Lào Cai nhưng chị Nh không có tin tức gì. Do chị Nh đã biệt tích 02 năm liền trở lên, vì vậy anh P đề nghị Toà án tuyên bố chị Thào Thị Nh mất tích, địa chỉ cuối cùng khi chị Như bỏ đi biệt tích thôn L, xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai.

Tại phiên họp: Anh Lù Seo P vắng mặt, tại đơn xin mở phiên họp vắng mặt anh vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố chị Thào Thị Nh mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Người yêu cầu anh Lù Seo P (tên gọi khác: Lù Văn Q) yêu cầu tuyên bố chị Thào Thị Nh mất tích, nơi cư trú cuối cùng của chị Như trước khi biệt tích thuộc huyện B, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xác định chị Thào Thị Nh là người bị yêu cầu và thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 10 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trước khi nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị Thào Thị Nh mất tích, anh Lù Seo P đã đi tìm nhiều nơi nhưng không biết chị Nh ở đâu. Anh đã thông báo tìm người nhà tại Trung tâm Văn hóa Thể thao – Truyền thông huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai vào ngày 21, 22 và 23/7/2020 và Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Lào Cai vào ngày 31/7/2021; ngày 02, 04/8/2021 nhưng không có tin tức của chị Nh. Như vậy trước khi nộp đơn yêu cầu anh Lù Seo P đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm nhưng không biết chị Nh ở đâu, Tòa án thụ lý đơn yêu cầu là phù hợp với khoản 2 Điều 387 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên họp cho rằng tại Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích, Tòa án chỉ gửi Đài truyền hình trung ương, các báo, đài phát thanh trung ương, đề nghị đăng trong 3 ngày liên tiếp mà không có công văn cụ thể gửi Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý, xét thấy tại Chương XXVI qui định về thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích không có qui định Tòa án phải làm công văn gửi cho Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý.

Tại Điều 388 Bộ luật Tố tụng dân sự qui định:

"*1.Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu một người mất tích, Tòa án ra quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích.*

2. Nội dung thông báo và việc công bố thông báo được thực hiện theo quy định tại Điều 384 và 385 của Bộ luật này."

Điều 384 qui định về Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú; Điều 385 qui định về Công bố thông báo tìm kiếm về người vắng mặt tại nơi cư trú".

Như vậy Tòa án đã ra quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích và nội dung thông báo đã được đăng trên báo Công lý và phát sóng trên đài tiếng nói Việt Nam trong ba ngày liên tiếp là phù hợp với qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng trong hồ sơ không có thủ tục tống đạt hoặc thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Thào Thị Nh là vi phạm quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự và xác định chị Thào Thị Nh là người bị yêu cầu là sai tư cách tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai không xác định chị Thào Thị Nh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì:

Người yêu cầu, yêu cầu Tòa án công nhận một sự kiện ở đây công nhận một sự kiện một người mất tích, Tòa án đã ra thông báo và đã được đăng thông báo trên báo, đài của trung ương trong thời hạn 4 tháng, tại khoản 3 Điều 388, chương XXVI qui định về Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố một người mất tích có qui định; "Trong thời hạn thông báo, nếu người bị yêu cầu tuyên bố mất tích trở về và yêu cầu Tòa án đình chỉ việc xét đơn yêu cầu thì Tòa án ra quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích". Nếu xác định là đương sự với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì phải tống đạt thông báo thụ lý việc dân sự cho chị Thào Thị Nh và chị Như chỉ có thời hạn 15 ngày *(hết thời hạn 15 ngày nêu trên mà người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu của người yêu cầu thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự để giải quyết theo quy định của pháp luật "qui định tại mẫu số 09-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao").*

Mặt khác nếu xác định chị Thào Thị Nh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai không có thẩm quyền để thụ lý việc dân sự vì:

Tại điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự qui định về Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì:

"b) Tòa án nơi ***người bị yêu cầu*** *thông báo tìm kiếm vắng mặt tại nơi cư trú, bị yêu cầu tuyên bố mất tích hoặc là đã chết có nơi cư trú cuối cùng có*

thẩm quyền giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và quản lý tài sản của người đó, yêu cầu tuyên bố một người mất tích hoặc là đã chết;"

Tại điểm a khoản 2 Điều 40: *"Người yêu cầu có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình trong các trường hợp sau đây: a) Đối với các yêu cầu về dân sự quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 27 của Bộ luật này thì người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi có tài sản của* ***người bị yêu cầu*** *giải quyết;"*.

Như vậy trong Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án không căn cứ vào nơi cư trú, nơi làm việc, nơi có tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xem xét thẩm quyền mà Tòa án nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có tài sản của người bị yêu cầu mới có thẩm quyền giải quyết.

Từ những phân tích ở trên, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai không xác định người bị yêu cầu là đương sự, vì vậy không có thủ tục tống đạt hoặc thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Thào Thị Nh và chị Thào Thị Nh không có các quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai là không phù hợp với qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai không chấp nhận, xác định tư cách của chị Thào Thị Nh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét về nội dung yêu cầu của người yêu cầu:

Ngày 14/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích, thông báo đã được đăng trên Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 29, 30 và 31/12/2020 và báo Công lý vào các ngày 01, 08 và 13/01/2021. Nội dung thông báo và việc công bố thông báo phù hợp với qui định tại Điều 384; Điều 385 và khoản 2 Điều 388 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy tính từ ngày đăng phát thông báo đầu tiên là ngày 29/12/2020 đến ngày 29/4/2021 hết thời hạn 4 (bốn) tháng nhưng không có tin tức gì của chị Nh.

Tại đơn xác nhận của Công an xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai xác nhận chị Nh bỏ đi biệt tích từ ngày 25/5/2013 đến nay không biết địa chỉ ở đâu, không có mặt ở địa phương, như vậy chị Thào Thị Nh đã biệt tích 2 năm liền trở lên mà không có tin tức còn sống hay đã chết, anh P đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm, nay anh yêu cầu Toà án tuyên bố chị Như mất tích, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của anh P là phù hợp với khoản 1 Điều 68 Bộ luật dân sự và Điều 389 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về lệ phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, anh Lù Seo P (tên gọi khác: Lù Văn Q) phải chịu lệ phí việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 40; Điều 149; Điều 387, 389 Bộ Luật Tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 68 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án 30/12/2016.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của anh Lù Seo P (tên gọi khác: Lù Văn Q) về việc yêu cầu Toà án tuyên bố chị Thào Thị Nh mất tích.

2. Tuyên bố chị Thào Thị Nh, địa chỉ cuối cùng: Thôn L, xã A , huyện B, tỉnh Lào Cai mất tích.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Anh Lù Seo Páo (tên gọi khác: Lù Văn Q) phải chịu lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0003493 ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Anh Lù Seo P (tên gọi khác: Lù Văn Q) đã nộp đủ tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

4. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát H. Bát Xát;
- Người yêu cầu;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Hoàng Duy Chiến

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ……../……./QĐST-……[2]	*……., ngày ….. tháng …. năm …….*

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v[3]……..

TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán: [4] Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)[5] .....

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà)……. - Kiểm sát viên.

Ngày…….. tháng…… năm…… , tại[6] .....mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số …./…./TLST-.... ngày…. tháng …. năm….. về việc[7] …….theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số ……/ …../QĐST-…… ngày…. tháng…. năm…… , gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8] .....

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[9].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: [10].....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[11].....

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[12].....

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[13] .....

.....

- Người làm chứng (nếu có):[14].....

.....

- Người phiên dịch (nếu có):[15].....

.....

- Người giám định (nếu có):[16].....

.....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[17]

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân ……..nhận định:[18]

[1] .....

.....

[2].....

.....

[3].....

.....

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ[19].....

.....

- [20].....

.....

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự[21].....

.....

- Quyền kháng cáo, kháng nghị[22].....

.....

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án[23] .....

.....

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP [24]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm ….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"

Mẫu số 23-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)